

PHIẾU BÀI TẬP: PHÉP NHÂN PHÂN SỐ

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Kết quả của phép tính $\frac{4}{9} \times \frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{12}{72}$

B. $\frac{1}{6}$

C. $\frac{7}{17}$

D. $\frac{32}{27}$

Câu 2: Giá trị của biểu thức $\frac{3}{4} \times \frac{2}{5} - \frac{1}{10}$ là:

A. $\frac{1}{5}$

B. $\frac{2}{10}$

C. $\frac{3}{20}$

D. $\frac{1}{4}$

Câu 3: Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

A. $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3}$

B. $\frac{2}{5} \times \frac{1}{4}$

C. $\frac{3}{4} \times \frac{2}{3}$

D. $1 \times \frac{1}{10}$

Câu 4: Phân số thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{2}{3} \times \frac{\dots}{\dots} < \frac{2}{3} \times \frac{1}{2}$

A. $\frac{3}{4}$

B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{1}{3}$

D. $\frac{5}{6}$

Câu 5: Một cửa hàng buổi sáng bán được $\frac{2}{5}$ tạ gạo. Buổi chiều bán được gấp 3 lần buổi sáng. Cả hai buổi bán được:

A. $\frac{6}{5}$ tạ

B. $\frac{8}{5}$ tạ

C. 2 tạ

D. $\frac{4}{5}$ tạ

Câu 6: Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều rộng là $\frac{3}{4}$ m, chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Diện tích tấm bìa đó là:

A. $\frac{9}{8}$ m²

B. $\frac{3}{2}$ m²

C. $\frac{9}{16}$ m²

D. $\frac{6}{8}$ m²

Câu 7: Kết quả của phép tính $5 \times \frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{15}{40}$

B. $\frac{15}{8}$

C. $\frac{8}{8}$

D. $\frac{3}{40}$

Câu 8: Tìm $\frac{2}{3}$ của 15 kg gạo:

A. 10 kg

B. 5 kg

C. 45 kg

D. 30 kg

Câu 9: Giá trị của biểu thức $\frac{2}{3} \times \frac{3}{4} \times \frac{4}{5}$ sau khi rút gọn là:

A. $\frac{24}{60}$

B. $\frac{2}{5}$

C. $\frac{1}{5}$

D. 1

Câu 10: Một hình vuông có cạnh là $\frac{5}{9}$ m. Diện tích hình vuông đó là:

A. $\frac{25}{81}$ m²

B. $\frac{20}{9}$ m²

C. $\frac{25}{9}$ m²

D. $\frac{10}{18}$ m²

Câu 11: Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng 1?

A. $\frac{3}{4} \times \frac{1}{4}$

B. $\frac{5}{6} \times \frac{6}{5}$

C. $\frac{1}{2} \times 2$

D. Cả B và C đều đúng

Câu 12: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{7}{8} \times \frac{5}{6} \dots \frac{7}{8}$

A. >

B. <

C. =

D. Không so sánh được

Câu 13: Lớp 4A có 36 học sinh. Số học sinh nữ chiếm $\frac{4}{9}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh nữ là:

A. 16 bạn

B. 20 bạn

C. 9 bạn

D. 4 bạn

Câu 14: Tính diện tích hình chữ nhật biết chiều dài $\frac{4}{5}$ m và chiều rộng $\frac{3}{8}$ m.

A. $\frac{12}{40}$ m²

B. $\frac{3}{10}$ m²

C. $\frac{7}{40}$ m²

D. $\frac{12}{13}$ m²

Câu 15: Tìm x biết: $x : \frac{3}{5} = \frac{2}{7}$

A. $x = \frac{6}{35}$

B. $x = \frac{10}{21}$

C. $x = \frac{5}{12}$

D. $x = \frac{14}{15}$

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

a) $\frac{4}{7} \times \frac{5}{9} =$

b) $\frac{12}{15} \times \frac{5}{4} =$

c) $\frac{7}{8} \times 4 =$

d) $5 \times \frac{3}{10} =$

e) $\frac{3}{5} \times \frac{2}{7} =$

g) $\frac{11}{4} \times \frac{1}{3} =$

h) $12 \times \frac{3}{4} =$

i) $\frac{5}{6} \times 18 =$

k) $\frac{9}{10} \times \frac{10}{9} =$ l) $\frac{7}{12} \times \frac{4}{7} =$

Bài 2. Rút gọn rồi tính:

a) $\frac{9}{12} \times \frac{8}{10} =$

b) $\frac{24}{36} \times \frac{15}{20} =$

c) $\frac{20}{25} \times \frac{6}{9} =$

d) $\frac{14}{21} \times \frac{12}{16} =$

e) $\frac{35}{40} \times \frac{22}{33} =$

g) $\frac{18}{27} \times \frac{5}{15} =$

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$\frac{7}{19} \times \frac{15}{11} \times \frac{19}{7}$



Bài 4. Bác An có một thùng dầu chứa $\frac{75}{2}$ lít dầu. Bác lấy ra một lượng dầu bằng $\frac{2}{3}$ số dầu đó để chia vào các can nhỏ. Hỏi bác An đã lấy ra bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

Bài 5. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài.

- a) Tính diện tích mảnh vườn đó.
b) Người ta trồng rau trên mảnh vườn, trung bình cứ $10m^2$ thu hoạch được 15kg rau. Hỏi cả mảnh vườn thu hoạch được bao nhiêu tạ rau?



Bài giải

